

Ngân hàng dẫn dắt thị trường TPDN trong T5

- Quy mô phát hành TPDN trong tháng 5 đạt 52.9 nghìn tỷ đồng (đi ngang so với T4, -23.6% svck). Lũy kế 5T2026, tổng giá trị TPDN phát hành đạt 147.4 nghìn tỷ đồng (+3% svck).
- Ước tính sẽ có khoảng 30.9 nghìn tỷ TPDN đáo hạn trong Q3, giảm 47% svck.
- Lợi suất TPCP kỳ hạn 10N tiếp tục duy trì xu hướng tăng, hiện ở mức 4.32%/năm.

Trái phiếu Doanh nghiệp

Phát hành TPDN đi ngang trong tháng 5, Ngân hàng trở lại dẫn dắt

Hoạt động phát hành TPDN trong tháng 5 đi ngang so với tháng 4, tổng giá trị phát hành đạt 52.9 nghìn tỷ đồng (-23.6% svck). Nhóm Ngân hàng quay trở lại dẫn dắt thị trường với giá trị phát hành tăng 70% so với T4 khi đạt 32.8 nghìn tỷ đồng (-32.3% svck). Các Ngân hàng có tổng giá trị phát hành lớn nhất trong tháng bao gồm: MBB (9 nghìn tỷ, kỳ hạn 36 – 120 tháng, lãi suất 8.2 – 8.3%), TCB (8 nghìn tỷ, kỳ hạn 24 – 36 tháng, lãi suất 8.4%) và OCB (3 nghìn tỷ, kỳ hạn 24 – 36 tháng, lãi suất 8.5 – 8.6%). Ở chiều ngược lại, giá trị phát hành của nhóm Bất động sản giảm mạnh 49.4% so với T4, đạt 15.4 nghìn tỷ đồng (+23% svck). Lãi suất bình quân gia quyền của nhóm BĐS trong tháng 5 tăng mạnh 3.2 điểm phần trăm so với tháng trước, đạt 12.5%. Nguyên nhân chủ yếu do đợt phát hành quốc tế với lãi suất 5.5% của Tập đoàn Vingroup (chiếm 30% GTPH của nhóm) đã kéo mặt bằng lãi suất tháng 4 giảm đáng kể; trong khi đó, các đợt phát hành quy mô lớn trong tháng 5 đều ghi nhận mức lãi suất 12.5%/năm. Theo đó, lãi suất thị trường chung tăng lên mức 9.7% (+0.7 điểm phần trăm so với T4).

Về phương thức phát hành, phát hành riêng lẻ tiếp tục áp đảo với tỷ trọng lên tới 95% giá trị phát hành trong nước, tương đương 50.2 nghìn tỷ đồng.

Lũy kế từ đầu năm, tổng giá trị TPDN phát hành đạt gần 147.4 nghìn tỷ đồng, tăng 3% svck. Lãi suất TPDN bình quân gia quyền trong năm 5T2026 ước đạt khoảng 9%, cao hơn so với mức 7.3% của năm 2025.

Bất động sản là nhóm ngành có giá trị phát hành cao nhất với 69.8 nghìn tỷ đồng (+159.4% svck), chiếm 47.4% tổng giá trị phát hành, gấp 2.5 lần svck. Lãi suất bình quân gia quyền ở mức 9.5%, kỳ hạn bình quân 4 năm. Các doanh nghiệp có giá trị phát hành lớn nhất từ đầu năm đến nay gồm có: CTCP Vinhomes (15 nghìn tỷ đồng), Công ty TNHH Đầu tư Marina Center (10.2 nghìn tỷ đồng) và Tập đoàn Vingroup (9.2 nghìn tỷ đồng).

Nhóm **Ngân hàng** chiếm tỷ trọng 43.2% với tổng giá trị phát hành đạt 63.6 nghìn tỷ đồng (-36.9% svck). Lãi suất bình quân gia quyền ở mức 8.3%/năm, kỳ hạn bình quân 4.8 năm. Các ngân hàng có giá trị phát hành lớn nhất gồm có: TCB (16 nghìn tỷ đồng), MBB (10.8 nghìn tỷ đồng) và OCB (5.9 nghìn tỷ đồng).

Ước khoảng 30.9 nghìn tỷ đồng TPDN đáo hạn trong Q3/26

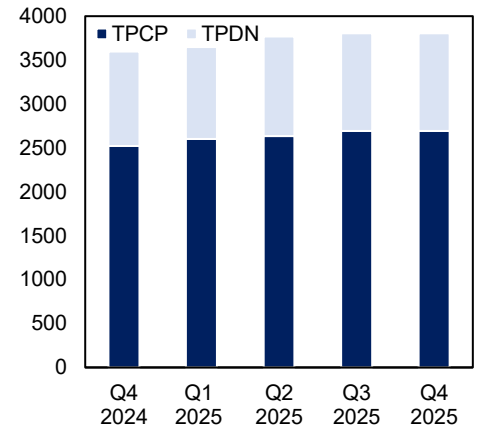
Chúng tôi ước tính khoảng 30.9 nghìn tỷ đồng TPDN đáo hạn trong Q3/26, giảm 47% svck, tập trung chủ yếu ở nhóm Bất động sản với khoảng 61%, tương đương 18.9 nghìn tỷ đồng.

Về tình hình chậm trả, tháng 5 ghi nhận 2 mã trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi với giá trị chậm trả gần 213 tỷ đồng. Lũy kế đến hết tháng 5, tổng giá trị phát hành của trái phiếu đang chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán ước đạt khoảng 31.5 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 2.3% dư nợ TPDN toàn thị trường.

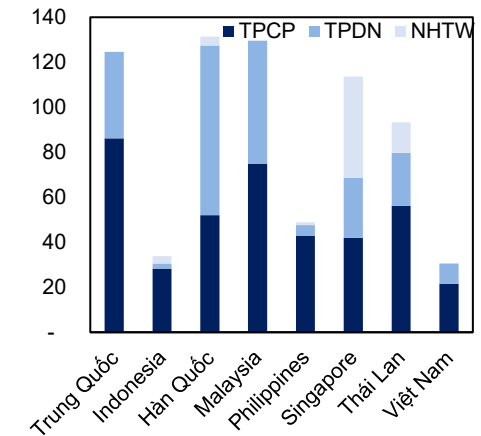
Hoạt động mua lại TPDN tăng tháng thứ tư liên tiếp

Giá trị TPDN mua lại trước hạn trong tháng 5 đạt khoảng 39.7 nghìn tỷ đồng, (+82.5% svck). Nhóm Ngân hàng chiếm 93.7% với trị giá mua lại khoảng 37.2 nghìn tỷ đồng (gấp 3.5 lần svck). Nhóm Bất động sản ghi nhận mức mua lại 2.4 nghìn tỷ đồng (-77.4% svck), chiếm 6.2% tổng giá trị mua lại trong tháng. Lũy kế 5T2026, khoảng 81.6 nghìn tỷ đồng TPDN đã được mua lại trước hạn (+32.8% svck), với đóng góp chủ yếu đến từ giá trị mua lại của nhóm Ngân hàng (chiếm 80.6% giá trị mua lại, +211% svck).

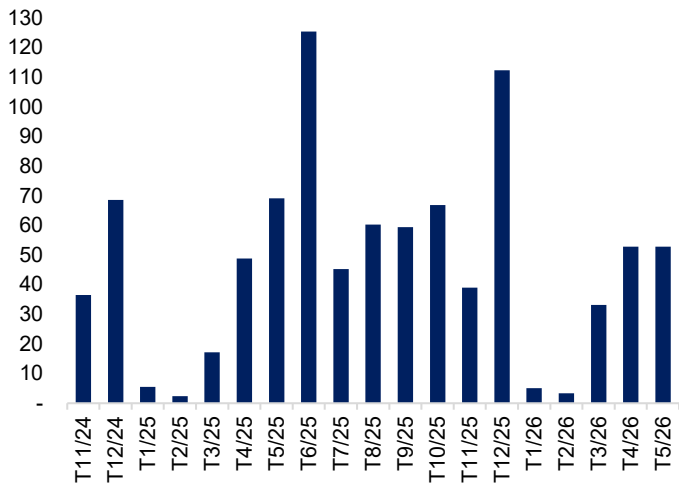
Dư nợ thị trường trái phiếu Việt Nam theo quý (Nghìn tỷ đồng)



Quy mô thị trường trái phiếu các nước trong khu vực (% GDP Q1 2026)

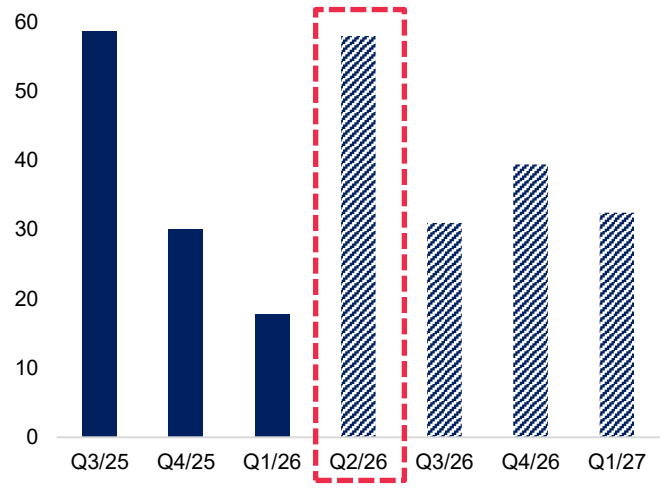


Hình 1: Giá trị TPDN phát hành thành công theo tháng (Đơn vị: Nghin tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 10/06)



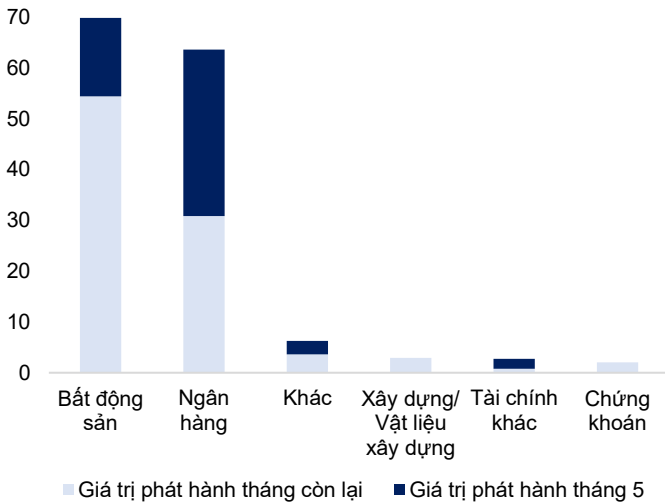
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 2: Ước tính khối lượng TPDN đáo hạn theo quý (Đơn vị: Nghin tỷ đồng)



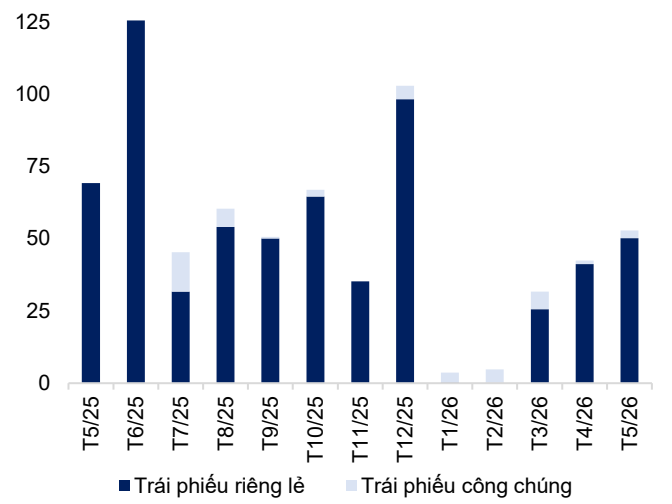
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 3: Cơ cấu giá trị TPDN phát hành lũy kế từ đầu năm 2026 theo ngành (Đơn vị: Nghin tỷ đồng)



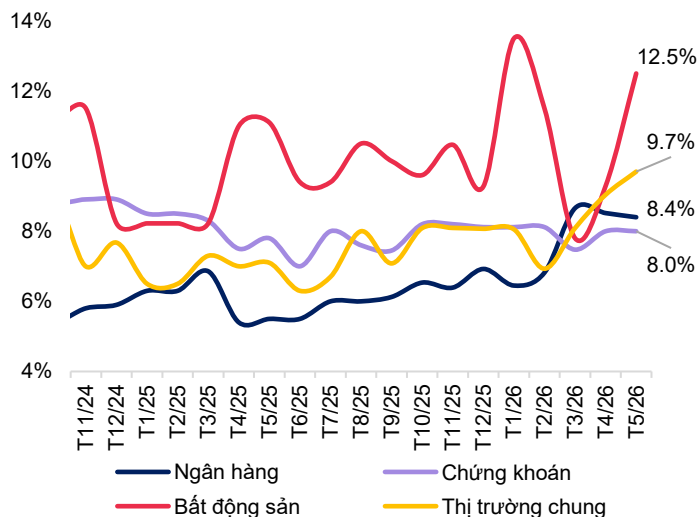
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 3: Cơ cấu phát hành TPDN theo hình thức (Đơn vị: Nghin tỷ đồng)



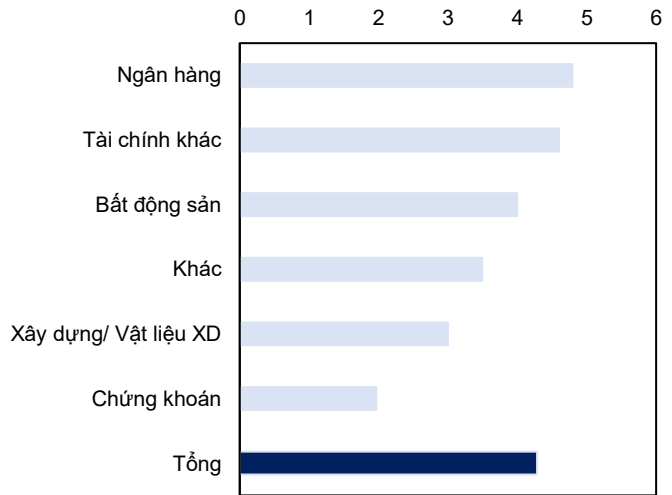
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 4: Lãi suất bình quân tháng của TPDN theo nhóm ngành (%/năm)



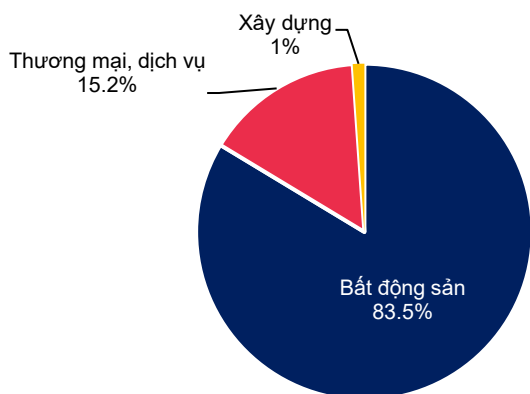
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 5: Kỳ hạn trung bình TPDN phát hành trong năm 2026 theo nhóm ngành (năm)



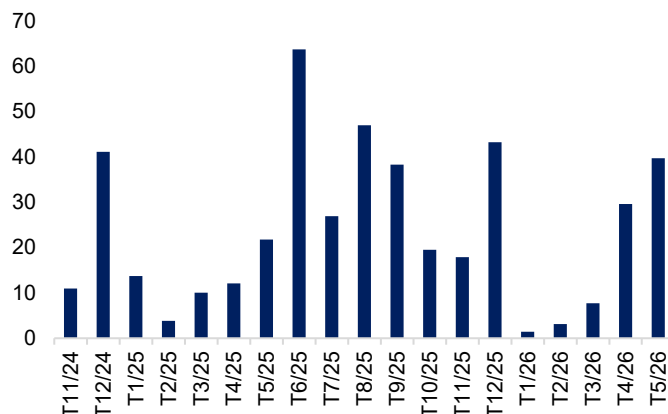
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 6: Từ đầu năm đến nay, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán là khoảng 31.5 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu TPDN chậm nghĩa vụ thanh toán theo ngành



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 7: Giá trị mua lại TPDN trước hạn theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng) (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 10/06)



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Trái Phiếu Chính Phủ

Thị trường sơ cấp

KBNN huy động 33.6 nghìn tỷ đồng TPCP trong kỳ với lợi suất trúng thầu tiếp tục tăng

Trong tháng 5, KBNN tổ chức 17 đợt đấu thầu TPCP với tổng giá trị gọi thầu đạt 68.5 nghìn tỷ đồng, song khối lượng huy động thành công chỉ đạt 33.6 nghìn tỷ đồng (-26% so với T4). Lũy kế 5T2026, tổng khối lượng phát hành TPCP đạt gần 159.2 nghìn tỷ đồng (-7% svck), tương đương 31.8% kế hoạch phát hành cả năm 2026. Trong đó, kỳ hạn 10 năm chiếm tỷ trọng 87% tổng khối lượng trái phiếu phát hành. Ngày 3/6, KBNN thông báo điều chỉnh nâng kế hoạch phát hành TPCP Q2 lên 150 nghìn tỷ đồng, tăng 36.4% so với kế hoạch ban đầu. Động thái này diễn ra trong bối cảnh khối lượng phát hành kỳ hạn 5 năm và 10 năm tính đến cuối tháng 5 đã hoàn thành khoảng 88% kế hoạch Q2 trước đó. Như vậy, tính chung tháng 4 và tháng 5, khối lượng phát hành thực tế đạt 52.7% kế hoạch Q2 sau điều chỉnh.

Trong tháng 5, lợi suất trúng thầu của các kỳ hạn 5 - 30 năm tăng từ 2 đến 14 điểm cơ bản so với tháng 4. Tại phiên đấu thầu cuối tháng 5, lãi suất trúng thầu các kỳ hạn 3 năm, 5 năm, 10 năm, 15 năm và 30 năm lần lượt đạt 3.49%, 4.0%, 4.25%, 4.27% và 4.5%/năm.

Hình 8: Kết quả phát hành TPCP Q2/2026 (Tỷ đồng)

Kỳ hạn	Kế hoạch KBNN Q2	KBNN đã phát hành Q2	% Kế hoạch KBNN Q2
3 Năm	2,000	150	8%
5 Năm	40,000	17,565	44%
7 Năm	2,000	0	0%
10 Năm	88,000	59,910	68%
15 Năm	14,000	1,400	10%
20 Năm	2,000	0	0%
30 Năm	2,000	60	3%
Tổng	150,000	79,085	52.7%

Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/05/2026

Nguồn: KBNN, HNX, MBS Research

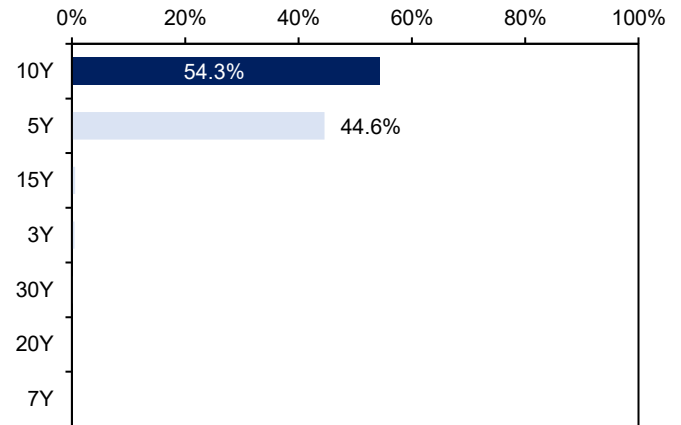
Hình 9: Kết quả đấu thầu TPCP KBNN T5/2026 (%)

Kỳ hạn	Giá trị chào bán	Giá trị trúng thầu	Tỷ lệ trúng thầu	Lợi suất
3Y	500	150	30%	3.49%
5Y	16,000	15,000	94%	3.89% - 4.0%
7Y				
10Y	46,000	18,250	40%	4.17% - 4.25%
15Y	4,000	200	5%	4.25% - 4.27%
20Y	500	0	0%	
30Y	1,500	30	2%	4.5%
Tổng	68,500	33,630	49%	Đơn vị: tỷ đồng

*Tính đến thời điểm 31/05/2026

Nguồn: HNX, MBS Research

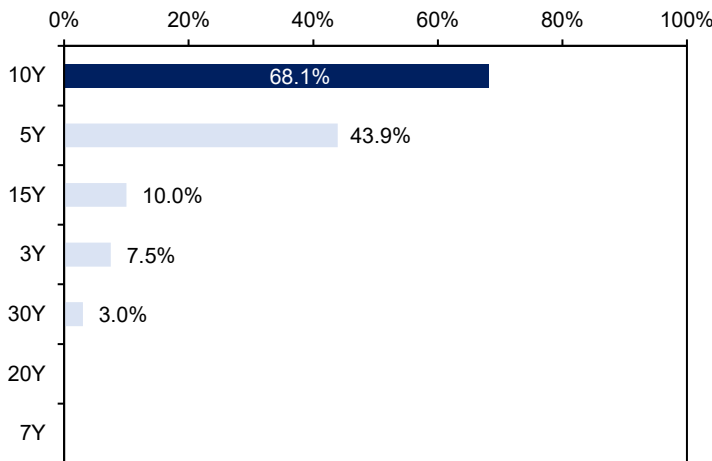
Hình 10: Tỷ trọng TPCP phát hành T5/2026



*Tính đến thời điểm 31/05/2026

Nguồn: HNX, MBS Research

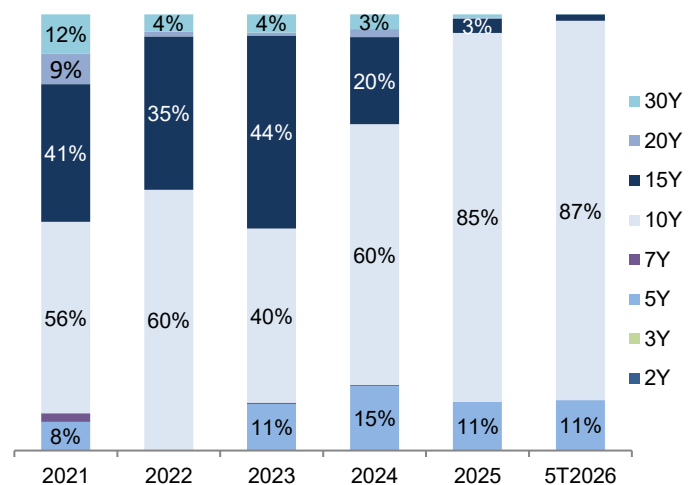
Hình 11: Tỷ lệ trúng thầu TPCP T4 và T5 so với kế hoạch Q2/2026



*Tính đến thời điểm 31/05/2026

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 12: Tỷ trọng TPCP trúng thầu qua các năm



Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 13: Lợi suất TPCP 10N tại một số quốc gia

Tính đến ngày 31/05/2026

Thị Trường	Đóng cửa	Tuần trước*	Tháng trước*	30/12/2025*
Mỹ	4.44	-12.2	6.5	26.0
EU	2.94	-10.0	-9.9	18.2
Nhật Bản	2.67	-9.6	14.2	45.9
Trung Quốc	1.72	-3.3	-3.2	-10.2
Hàn Quốc	4.07	-6.1	15.0	53.0
Ấn Độ	7.00	-8.8	-1.1	44.3
Malaysia	3.56	-4.7	-0.7	5.0
Singapore	2.03	-11.5	-10.7	-5.3
Indonesia	6.72	-1.7	-13.3	77.6
Philippines	5.32	-12.3	7.5	45.9
Thái Lan	2.39	-7.9	11.3	56.1
Việt Nam	4.32	6.8	8.5	19.6

* Số điểm cơ bản thay đổi so với thời điểm chốt dữ liệu

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

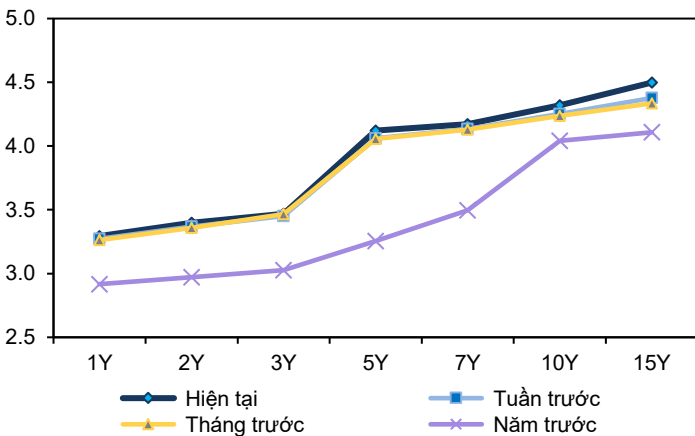
Thị trường thứ cấp

Lợi suất TPCP tăng trong tháng tại hầu hết các kỳ hạn. Giá trị giao dịch bình quân trên thị trường TPCP thứ cấp tiếp tục giảm 6.6% so với tháng trước. NĐTNN bán ròng 136.6 tỷ đồng TPCP trong tháng 5.

Lợi suất kỳ hạn 10N vẫn duy trì xu hướng tăng trong suốt tháng 5. Đến cuối tháng, lợi suất kỳ hạn 10N neo ở mức 4.32%/năm (+9 điểm cơ bản so với cuối tháng trước). Trong khi đó, lợi suất kỳ hạn 2N đến cuối tháng 5 cũng tăng 4 điểm cơ bản so với cuối tháng trước, lên mức 3.4%/năm.

Giá trị giao dịch bình quân ngày trên thị trường TPCP thứ cấp đạt gần 15 nghìn tỷ đồng (-6.6% so với T4). Trong đó, giao dịch Outright chiếm 74.4% khối lượng trong kỳ, tương đương 222.5 nghìn tỷ đồng. Bình quân giao dịch gần 11.1 nghìn tỷ đồng/ngày, tăng 5.6% so với bình quân tháng trước. Ngược lại, giá trị giao dịch Repos bình quân giảm mạnh 30% so với tháng trước, đạt khoảng 3.8 nghìn tỷ đồng/ngày. Trong tháng 5, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng tháng thứ hai liên tiếp với 136.6 tỷ đồng, qua đó đưa lượng bán ròng của khối ngoại kể từ đầu năm 2026 lên mức 3.09 nghìn tỷ đồng, trái ngược so với mức mua ròng 2.07 nghìn tỷ đồng cùng kỳ năm ngoái.

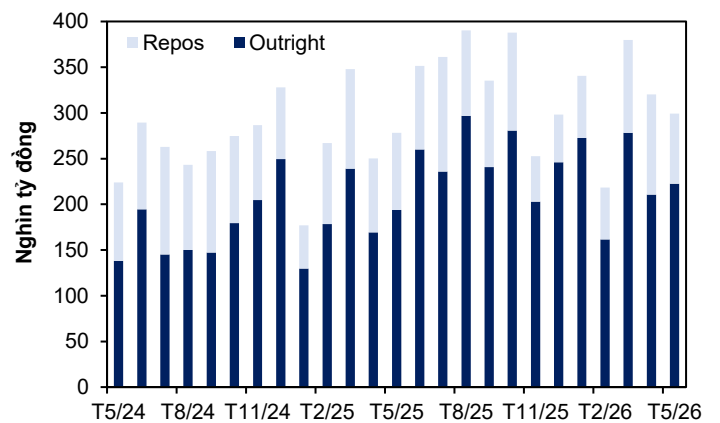
Hình 14: Lợi suất TPCP (%)



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/05

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

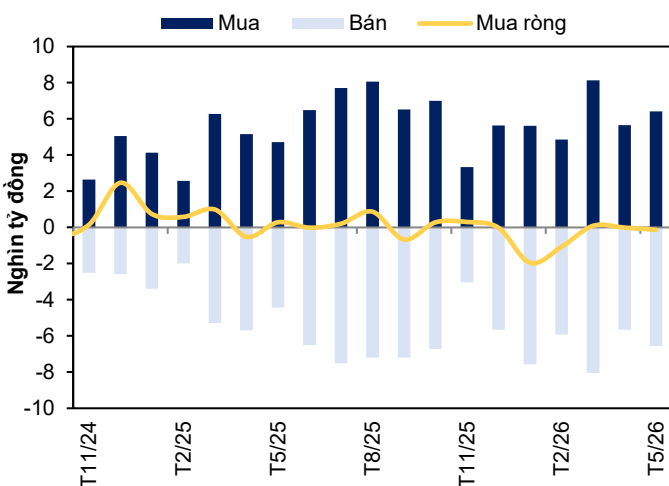
Hình 15: GTGD Outright và Repos trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/05

Nguồn: HNX, MBS Research

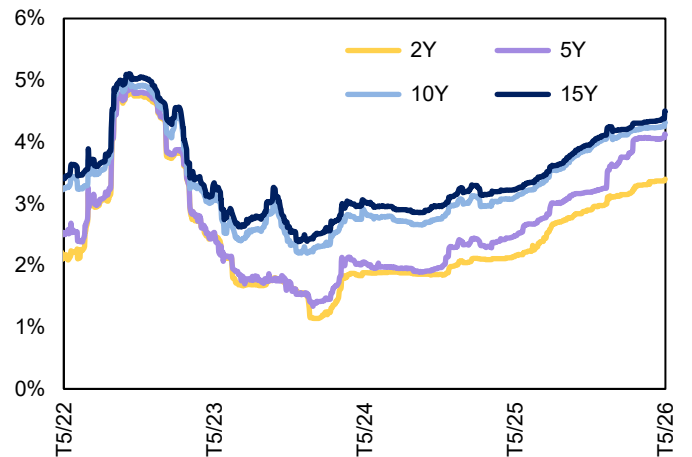
Hình 16: Giao dịch khối ngoại trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/05

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 17: Đường cong lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/05

Nguồn: HNX, MBS Research

Phụ lục

Hình 18: Các doanh nghiệp phát hành khối lượng TPDN lớn nhất trong năm 2026

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2 - 3	16,000	8.4% - 8.9%
CTCP Vinhomes	2.5 - 3	15,000	12.5%
Ngân hàng TMCP Quân đội	3 - 10	10,750	8.0% - 8.3%
Công ty TNHH Đầu tư Marina Center	10	10,196	4.0%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	5	9,217	5.5%
CTCP Thời Đại Mới T&T	4	8,000	10.5%
CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Minh An	1 - 2.5	7,500	10.0% - 10.5%
CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn	3	6,000	12.5%
Ngân hàng TMCP Phương Đông	2 - 3	5,900	8.5% - 8.6%
CTCP Thương mại Xuất nhập khẩu Tam Tài Lộc	1	5,700	10.0%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 19: Các doanh nghiệp phát hành trái phiếu có lãi suất cao nhất trong năm 2026

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
CTCP Tập Đoàn Khải Hoàn Land	5	190	13.5%
CTCP Vinhomes	2.5 - 3	15,000	12.5%
CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn	3	6,000	12.5%
Công ty TNHH Lạc Việt Quy Nhơn	1	200	12.5%
CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	3	330	11.5%
CTCP Bất động sản Bcons PS	4	276	11.5%
CTCP Thiên Phúc Invest	3	80	11.5%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển bất động sản Phát Đạt	1 - 2	5,600	11.0%
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản An Gia Hưng	3	1,065	11.0%
CTCP Năng lượng tái tạo Trung Nam	1 - 4	2,103	10.7%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 20: Danh sách trái phiếu hoàn thành đợt phát hành trong tháng 4 và tháng 5

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
TCX	CTCP Chứng khoán Kỹ thương	04/2026	1,000	8.0%	24
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	04/2026	1,000	8.0%	36
VHM	CTCP Vinhomes	04/2026	6,000	12.5%	30
NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	04/2026	400	8.5%	84
	CTCP Bất động sản Bcons PS	04/2026	276	11.5%	48
VIC	Tập đoàn Vingroup - CTCP	04/2026	9,217	5.5%	60
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	04/2026	2,000	8.4%	24
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	04/2026	500	8.0%	84
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	04/2026	2,000	8.4%	36
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	04/2026	1,200	8.0%	84
	CTCP Thương mại Xuất nhập khẩu Tam Tài Lộc	04/2026	5,700	10.0%	12
VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á	04/2026	100	9.0%	84
AGH	Công ty TNHH Phát triển Bất động sản An Gia Hưng	04/2026	1,065	11.0%	36
VPI	CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	04/2026	150	11.5%	36
	Công ty TNHH Hoá chất Hyosung Vina	04/2026	200	9.0%	12
	CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Minh An	04/2026	6,200	10.5%	30
	CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Minh An	04/2026	1,300	10.0%	12

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	04/2026	500	8.5%	36
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	04/2026	2,000	8.6%	36
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	04/2026	2,500	8.7%	36
	Công ty TNHH Thăng Long	04/2026	459	10.39%	60
NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	04/2026	1,000	8.0%	24
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	04/2026	3,000	8.9%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	04/2026	1,900	8.6%	36
KLB	Ngân hàng TMCP Kiên Long	04/2026	223	7.3%	84
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	04/2026	1,000	8.6%	36
HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	04/2026	2,000	10.5%	36
	CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn	05/2026	2,000	12.5%	36
BAB	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á	05/2026	1,000	8.6%	24
VPI	CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	05/2026	180	11.5%	36
	CTCP Kinh doanh F88	05/2026	300	10.0%	24
VHM	CTCP Vinhomes	05/2026	2,000	12.5%	36
VHM	CTCP Vinhomes	05/2026	1,000	12.5%	36
VHM	CTCP Vinhomes	05/2026	2,000	12.5%	36
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	05/2026	3,500	8.20%	120
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	05/2026	1,000	8.4%	36
BAB	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á	05/2026	1,000	8.4%	24
BAB	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á	05/2026	1,000	8.6%	24
	CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn	05/2026	2,000	12.5%	36
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	05/2026	300	8.3%	120
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	05/2026	50	8.3%	120
	CTCP Năng lượng tái tạo Trung Nam	05/2026	1,930	10.7%	48
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	05/2026	2,000	8.4%	36
	CTCP Năng lượng tái tạo Trung Nam	05/2026	173	10.7%	12
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	05/2026	100	8.3%	120
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	05/2026	50	8.6%	96
EVF	Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện Lực	05/2026	550	8.5%	96
	Công ty TNHH MTV Tài chính Home Credit Việt Nam	05/2026	150	9.8%	36
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	05/2026	2,000	8.45%	36
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2026	915	8.03%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2026	447	8.08%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2026	4	8.13%	120
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	05/2026	1,000	8.6%	36
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	05/2026	3,000	8.3%	36
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	05/2026	2,000	8.4%	36
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	05/2026	10	8.5%	84
	CTCP Đầu tư SCommerce	05/2026	580	6.7%	84
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	05/2026	200	8.3%	120
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2026	175	7.7%	180
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	05/2026	1,000	8.5%	36
	Công ty TNHH MTV Tài chính Home Credit Việt Nam	05/2026	1,000	9.8%	36
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	05/2026	3,500	8.4%	36
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	05/2026	2,000	8.6%	36
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	05/2026	300	8.3%	60
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	05/2026	1,500	8.2%	120
VHM	CTCP Vinhomes	05/2026	1,000	12.5%	36
VHM	CTCP Vinhomes	05/2026	3,000	12.5%	36

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	05/2026	500	8.4%	24
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	05/2026	1,000	8.6%	24
NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	05/2026	1,000	8.7%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2026	1,000	8.1%	72
	Công ty TNHH Lạc Việt Quy Nhơn	05/2026	200	12.5%	12
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	05/2026	300	8.0%	60
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	05/2026	850	8.3%	60
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	05/2026	100	8.3%	120
	CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn	05/2026	2,000	12.5%	36

Nguồn: HNX, MBS Research

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu
Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng
Nguyễn Tiến Dũng